

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21/7/2017

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2017/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2017/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2017/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1984; thường trú: 23/2, khu phố Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1992; thường trú: 23/2, khu phố Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Trọng Q trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng Q và chị Lê Thị T tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 122 quyền số 01/2015 ngày 18 tháng 8 năm 2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Anh Q làm nghề tự do thu nhập bình quân một tháng khoảng 5.000.000 đồng, chị T làm công nhân thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 11/2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến việc thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, không có sự đồng cảm yêu thương, mỗi lần vợ chồng giận nhau chị T hay đưa con đi khỏi nhà một vài ngày. Vợ chồng không còn tình cảm nên hiện nay đã sống ly thân. Anh Nguyễn Trọng Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu tòa án giải quyết cho chị ly hôn với chị Lê Thị T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung tên: Nguyễn Trọng P, sinh ngày 07/11/2015 hiện đang sống cùng chị T. Sau khi ly hôn, anh Q đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn chị Lê Thị T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 12/6/2017 và tham gia phiên tòa vào các ngày 29/6/2017 và ngày 21/7/2017 nhưng chị Lê Thị T vắng mặt không có lý do.

- Ngày 04/5/2017, Tòa án xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Trung Q và chị Lê Thị T. Theo thông tin từ bà Nguyễn Ngọc Đ, Chủ tịch Hội phụ nữ phường Đ, thị xã D cung cấp: Trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án, anh Q và chị T không yêu cầu tổ chức hòa giải tại cơ sở. Quá trình sống chung giữa anh Q và chị T phát sinh mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ vì anh chị không trình báo về những mâu thuẫn vợ chồng cũng như vấn đề con chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội dung: Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đối với bị đơn chị Lê Thị T nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do chứng tỏ chị không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng. Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quý T.

+ Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Trọng P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Anh Nguyễn Trung Q có đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và con chung giữa anh với chị Lê Thị T, cả hai hiện đang sinh sống tại phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã triệu tập và niêm yết họp lệ đối với bị đơn chị Lê Thị T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 12/6/2017 và tham gia phiên tòa vào các ngày 29/6/2017, ngày 21/7/2017 nhưng chị T vắng mặt không có lý do. Ngày 17/7/2017, anh Q có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh Q và chị T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trung Q và chị Lê Thị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 122, quyền số 01/2015 vào ngày 18 tháng 8 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên là quan hệ hôn

nhân hợp pháp. Anh Q cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị do tính tình không hợp nhau nên bất đồng quan điểm, dẫn đến anh chị thường xuyên cãi nhau, mỗi lần cãi nhau chị Tiên hay đưa con đi khỏi nhà dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình tòa án thụ lý vụ án chị T không cung cấp chứng cứ cũng không tham gia hòa giải theo giấy triệu tập của tòa án, điều này chứng tỏ chị T không còn quan tâm và không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Quá trình tố tụng anh Q đều trình bày cuộc sống chung vợ chồng giữa anh và chị xảy ra nhiều mâu thuẫn vì nhiều lý do khác nhau vì vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh Q, chị T đã có thời gian ly thân từ cuối năm 2015 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh Q đã trầm trọng, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh Q là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung, hiện nay đang ở cùng chị T, anh Q đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Xét thấy, từ khi chị T, anh Q sống ly thân đến nay, cháu Nguyễn Trọng P đều do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và cháu vẫn được tạo điều kiện phát triển tốt. Vì vậy, yêu cầu giao con chung của anh Q cho chị T nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Q và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Q phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 15, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trung Q được ly hôn với chị Lê Thị T.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung tên Nguyễn Trọng P, sinh ngày 07/11/2015 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn anh Q và chị T đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Chị T phải tạo điều kiện cho anh Q trong việc thăm nom, chăm sóc con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Trung Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu anh Nguyễn Trung Q không thi hành thì hàng tháng anh Nguyễn Trung Q còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Trung Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008954 ngày 09 tháng 03 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Nguyễn Trung Q còn phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BD;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THA DS thị xã Dĩ An;
- UBND p. Đông Hòa, TX. Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Nguyệt Ánh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút , ngày 21 tháng 7 năm 2017.

Tại phòng nghị án, trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

Tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 137/2017/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2017 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng Quý, sinh năm 1984; thường trú: 23/2, khu phố Đông A, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Tiền, sinh năm 1992; thường trú: 23/2, khu phố Đông A, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 15, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng Quý được ly hôn với chị Lê Thị Tiền.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung tên Nguyễn Trọng Phúc, sinh ngày 07/11/2015 cho chị Lê Thị Tiền trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn anh Quý và chị Tiền đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Chị Tiền phải tạo điều kiện cho anh Quý trong việc thăm nom, chăm sóc con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Trọng Quý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Lê Thị Tiền có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu anh Nguyễn Trọng không thi hành thì hàng tháng anh Nguyễn Trọng Quý còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng Quý phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008954 ngày 09 tháng 03 năm 2017 của Chi cục thi

hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Nguyễn Trung Quý còn phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Nguyệt Ánh